

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **350/2025/DS-PT**

Ngày: 15 - 9 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hường

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình; Bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 278/2025/TLPT-DS ngày 31/7/2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2025/DS-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2025/QĐ-PT ngày 04/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 321/QĐ-PT ngày 28/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1969; Địa chỉ: D N, phường T, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Thành N, sinh năm 1987; Địa chỉ: D L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường E, tỉnh Đắk Lắk) – có mặt.

- Bị đơn: Bà Từ Thị Q, sinh năm 1964; Địa chỉ: D P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ hiện nay: 45/8 đường C phường T, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Ngọc Q1, Luật sư thuộc Công ty TNHH MTV Q2, Đoàn Luật sư tỉnh G; Địa chỉ: Số F T, phường D, tỉnh Gia Lai – có mặt.

*** Người kháng cáo:** Bị đơn bà Từ Thị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L và người đại diện theo uỷ quyền ông Lê Thành N trình bày:**

Bà Trần Thị L và bà Từ Thị Q có mối quan hệ quen biết với nhau nên bà L đồng ý cho bà Q vay số tiền tổng cộng là 950.000.000 đồng, gồm:

- Lần 1: bà Q vay số tiền là 500.000.000 đồng để đặt cọc tiền thế chân cho công ty N2;

- Lần 2: bà Q vay số tiền 450.000.000 đồng để lo công việc của gia đình.

Bà L đã liên hệ bà Q đòi tiền vay nhiều lần nhưng bà Q cứ hẹn không trả. Vào ngày 26/11/2024, bà Q nhận nợ và viết cho bà L Giấy nhận nợ với nội dung: Bà Q có nợ khoản nợ 1 là 500.000.000 đồng; khoản 2 là 450.000.000 đồng, đến ngày 26/6/2025, bà Q sẽ hoàn trả lại gốc cho bà L. Hai bên đã thoả thuận trả tiền lãi vào ngày 26 hàng tháng với số tiền lãi là 9.500.000 đồng.

Bà Q đã trả lãi tháng 12/2024, tháng 01, 02/2025 cho bà L bằng N1 với tổng số tiền quy đổi tương đương là 9.500.000 đồng x 3 = 28.500.000 đồng. Sau đó, bà Q không trả cho bà L thêm bất kỳ khoản tiền lãi nào theo thoả thuận.

Nhận thấy bà Q không có thiện chí trả nợ cho bà L, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Từ Thị Q phải trả cho bà Trần Thị L số tiền vay gốc là 950.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vay chưa trả từ tháng 03/2025 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với tiền lãi là 9.500.000 đồng/tháng theo thoả thuận.

*** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Từ Thị Q trình bày:**

Bà có quan hệ quen biết và làm ăn với bà Trần Thị L nên bà có vay tiền của bà L nhiều lần và đã trả được nhiều lần, đến ngày 26/11/2024 thì bà có viết giấy nhận nợ cho bà L cụ thể khoản nợ 1 là 500.000.000 đồng; Khoản nợ thứ 2 là 450.000.000 đồng; tổng cộng là 950.000.000 đồng. Theo giấy nhận nợ thì bà đồng ý trả 2 khoản nợ này theo lãi suất Ngân hàng là 1%/tháng, trong thời gian 6 tháng, ngày 26/6/2025 bà sẽ hoàn trả lại gốc cho bà L. Tuy nhiên thực tế số tiền này không phải bà vay 950.000.000 đồng mà ban đầu bà chỉ vay lần một là 150.000.000 đồng, tiếp đến vay thêm 100.000.000 đồng, tổng cộng là 250.000.000 đồng, cứ 1.000.000 đồng tính 6.000 đồng/ngày và cộng lãi dồn lại lên khoản tiền 500.000.000 đồng x 9.000 đồng/ngày nên mỗi tháng bà phải trả cho bà L là 45.000.000 đồng từ năm 2022 đến năm 2024. Đến ngày 26/11/2024 bà viết lại giấy nhận nợ cho bà L là 950.000.000 đồng.

Do bà đã trả lãi nhiều lần cho bà L nên nay bà L khởi kiện thì bà xin bà L không tính lãi và xin được trả dần số nợ trên vì hiện nay bà đang khó khăn và không có nguồn để trả. Bà xác định toàn bộ chữ ký, chữ viết trong giấy nhận nợ là chữ ký chữ viết của bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2025/DS-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk) đã quyết định:

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L: Buộc bà Từ Thị Q có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L tổng số tiền là: 987.050.000 đồng; trong đó số tiền nợ gốc là: 950.000.000 đồng, tiền lãi là: 37.050.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Từ Thị Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05/7/2025, bị đơn bà Từ Thị Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bảo vệ quyền lợi của bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thụ lý yêu cầu của nguyên đơn khi bị đơn chưa vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi.

*** *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:***

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Từ Thị Q, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2025/DS-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Từ Thị Q nộp trong hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với số nợ gốc:

Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn Trần Thị L và bị đơn Từ Thị Q đều xác nhận ngày viết giấy nhận nợ là ngày 26/11/2024. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn Từ Thị Q cho rằng ngày viết giấy nhận nợ là ngày 26/12/2024, toàn bộ chữ viết, chữ ký trong giấy nhận nợ là chữ viết, chữ ký của bà Q, do số “2” trong tháng “12” bị đơn ghi không rõ nên bị đơn nhầm lẫn.

Giấy nhận nợ (BL 22) do nguyên đơn cung cấp có nội dung: Bà Q nợ bà L khoản 1 là 500.000.000 đồng, khoản 2 là 450.000.000 đồng, bà Q đồng ý trả hai khoản này theo lãi suất ngân hàng là 1% trong thời gian 6 tháng. Ngày 26/6/2025 sẽ trả đủ gốc cho bà L, tiền lãi trả vào ngày 26 hàng tháng với số tiền là 9.500.000 đồng.

Căn cứ nội dung thỏa thuận về thời hạn trả nợ nêu trên, thì bị đơn cho rằng ngày viết giấy nhận nợ là ngày 26/12/2024, là có cơ sở.

Bà Q cho rằng thực tế số tiền bà vay lần 1 là 150.000.000 đồng, lần 2 là 100.000.000 đồng, tổng cộng 250.000.000 đồng, bà L lấy lãi 6.000 đồng/ ngày và cộng dồn lên đến 500.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi 9.000 đồng/ ngày, hàng tháng bà Q phải trả 45.000.000 đồng tiền lãi suốt từ năm 2022 đến năm 2024, đến ngày 26/12/2024 bà L mới yêu cầu bà Q viết giấy nhận nợ số tiền 950.000.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà Q không cung cấp tài liệu chứng cứ nào để chứng minh, không được bà L thừa nhận. Biên bản lấy lời khai tại cấp sơ thẩm, bà Q đồng ý với khoản nợ trên nhưng vì lý do khó khăn nên không trả được nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Q nợ bà L số tiền 950.000.000 đồng và buộc bà Q phải trả cho bà L số tiền 950.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ.

Mặc dù bà Trần Thị L nộp đơn khởi kiện khi chưa đến thời hạn trả nợ gốc, nhưng quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, bà Q cũng không trả thêm cho bà L khoản tiền lãi nào là vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận. Thời điểm xét xử sơ thẩm đã quá thời hạn trả nợ gốc của bị đơn nhưng bị đơn không có mặt tại Tòa án, không trả cho nguyên đơn khoản tiền nào khác. Đến khi xét xử phúc thẩm, bà Q vẫn không trả nợ gốc và lãi cho bà L. Do đó, việc hủy án để giải quyết lại là không cần thiết vì không làm thay đổi bản chất sự việc. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2.2] Đối với tiền lãi:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Q cung cấp sao kê giao dịch chuyển khoản của bà Từ Thị Q trong thời gian từ ngày 15/5/2022 đến ngày 28/3/2025. Tuy nhiên, bà Q không có chứng cứ chứng minh số tiền vay gốc chỉ là 250.000.000 đồng và số tiền chuyển khoản trong sao kê giao dịch là trả lãi cho khoản tiền 250.000.000 đồng như lời trình bày của bà. Tuy nhiên, do xác định lại thời điểm ghi giấy nhận nợ là ngày 26/12/2024 nên cần xem xét lại khoản tiền lãi phải trả.

Trong giấy nhận nợ, các bên thỏa thuận tiền lãi trả vào ngày 26 hàng tháng với mức lãi suất 01%/ tháng là phù hợp quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đều xác định bà Q mới chỉ trả được 03 tháng tiền lãi, nên cần buộc bà Q phải tiếp tục trả lãi cho bà L, tạm tính đến thời điểm các bên thỏa thuận là ngày 26/6/2025. Số tiền lãi phải trả là 19.000.000 đồng.

[3] Từ nhận định nêu trên, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm như đã phân tích.

[4] Về án phí: Tại cấp phúc thẩm, bà Từ Thị Q có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Xét bà Q là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 thì đủ điều kiện được miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà Từ Thị Q.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Từ Thị Q. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2025/DS-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk).

- Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L.

Buộc bà Từ Thị Q có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L tổng số tiền là: 969.000.000 đồng (Chín trăm sáu chín triệu đồng).

Kể từ ngày 27/6/2025 cho đến khi thi hành án xong, bà Từ Thị Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Về án phí:

Bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 20.392.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001233 ngày 10/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự số 1 – Đắk Lắk).

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Từ Thị Q. Trả lại cho bà Từ Thị Q số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000366 ngày 15/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự số 1 – Đắk Lắk.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 1- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 1;
- Dương sự;
- Công thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương